

Số: 34/BCTN-CC



Hải Phòng, ngày 14 tháng 04 năm 2026

BÁO CÁO

Thường niên năm 2025

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CỬA CẨM HẢI PHÒNG**
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0200576055 đăng ký thay đổi lần thứ 5: ngày 11/04/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.
 - Vốn điều lệ: **24.000.000.000 VNĐ**
 - Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **24.000.000.000 VNĐ**
 - Địa chỉ: Số 2 Đường Ngô Quyền - P. Ngô quyền - TP Hải Phòng
 - Số điện thoại: 0225.3837393
 - Số fax: 0225.3837393
 - Website: www.cuacampport.com.vn
 - Mã cổ phiếu: CCP
 - Quá trình hình thành và phát triển: Công ty cổ phần Cảng Cửa Cẩm Hải Phòng (“gọi tắt là Công ty”) được cổ phần hoá từ Xí nghiệp Cảng Cửa Cẩm Hải Phòng theo Quyết định số 17/QĐ/UB ngày 06 tháng 01 năm 2004 của UBND thành phố Hải Phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0200576055 đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 11/04/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.
 - Công ty là thành viên sáng lập của Hiệp hội Cảng biển Việt Nam
- ##### 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh dịch vụ cảng biển: Bốc xếp, kho bãi, giao nhận, dịch vụ cho tàu biển.
 - Địa bàn kinh doanh: Tại Hải Phòng
- ##### 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- Đại Hội đồng cổ đông;
 - Hội đồng quản trị;
 - Ban kiểm soát;
 - Giám đốc điều hành;
 - Các phòng, ban, tổ, đội trong công ty.

* Tổng số lao động bình quân là 30 người gồm 4 Phòng, Cụ thể:

- Phòng Tổ chức Hành chính - Bảo vệ
- Phòng Kế toán - Tài chính
- Phòng Kế hoạch - Kinh doanh
- Phòng Kỹ thuật - Đầu tư
- Các công ty con, công ty liên kết: không có

4. Định hướng phát triển: Công ty chưa có định hướng cụ thể nào cho hoạt động SXKD trong những năm tới.

5. Các rủi ro:

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động SXKD năm 2025 như sau:

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | KH năm 2025 | TH năm 2025 | %TH2025 /KH2025 |
|-----|--------------------------------|------------|-------------|-------------|-----------------|
| 1 | Tổng doanh thu + Thu nhập khác | Tr.đ | 10.000 | 14.016 | 140 |
| 2 | Tổng lợi nhuận trước thuế | Tr.đ | 1.750 | 5.294 | 303 |
| 3 | Nộp ngân sách | Tr.đ | 1.000 | 2.402 | 240 |
| 4 | Lao động bình quân | Người | 35 | 30 | 85,7 |
| 5 | Thu nhập bình quân | Đồng/tháng | 9.000.000 | 13.685.132 | 152 |
| 6 | Tỷ lệ chia cổ tức | % | 5% | 10% | 200 |

2. Tổ chức và nhân sự

a. Danh sách Ban điều hành, Kế toán trưởng:

+ Giám đốc: Ông Nguyễn Mạnh Cường - Sinh năm 1972

- Trình độ: Cử nhân Kinh tế

- Số cổ phần sở hữu: 600 CP

- Là đồng Đại diện phần vốn của Tổng Công ty Vận tải Thủy Petrolimex tại Công ty

+ Phó Giám đốc: Ông Nguyễn Cảnh Thăng - Sinh năm 1972

- Trình độ: Kỹ sư Vô tuyến điện, Cử nhân Kinh tế Ngoại thương, Cử nhân Ngoại ngữ (Tiếng Anh)

- Số cổ phần sở hữu: 5.500 CP

+ Kế toán trưởng: Bà Lê Thị Vân Anh - Sinh năm 1969

- Trình độ: Cử nhân Kế toán Thương mại Dịch vụ, Cử nhân Kinh tế Ngoại thương

- Số cổ phần sở hữu: 10.000 CP

- Là đồng Đại diện phần vốn của Tổng Công ty Vận tải Thủy Petrolimex tại Công ty

b. Những thay đổi trong Ban điều hành: Không

c. Số lượng cán bộ, nhân viên: Số lượng lao động bình quân: 30 người

- Chính sách đối với người lao động: Được hưởng đầy đủ các quyền lợi và chế độ chính sách theo quy định hiện hành của Nhà nước: Hợp đồng lao động, BHXH, BHYT, BHTN, nghỉ hưu, nghỉ việc, nghỉ phép...

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a. Các khoản đầu tư lớn: Trong năm 2025 Công ty không có những khoản đầu tư lớn.

b. Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

| Chỉ tiêu | Năm 2024 (VNĐ) | Năm 2025 (VNĐ) | % tăng giảm |
|--------------------------------------|---------------------------------|--------------------------------|----------------|
| Tổng giá trị tài sản | 52.831.779.861 | 56.362.879.910 | +6,7 |
| Doanh thu thuần | 11.097.868.404 | 8.722.036.446 | -21,4 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 3.718.528.294 21.808.288.101 | 2.959.844.562 2.334.338.532 | -20,4 -89,2 |
| Lợi nhuận khác | 25.526.816.395 | 5.294.183.094 | -79,2 |
| Lợi nhuận trước thuế | 21.545.608.990 | 4.219.439.327 | -80,4 |
| Lợi nhuận sau thuế | 0% | 2.400.000.000 | |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | | | |

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Các chỉ tiêu | Năm 2024 | Năm 2025 | Ghi chú |
|---|----------|----------|---------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn | 22,28 | 16,72 | |
| + Hệ số thanh toán nhanh: Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn | 22,28 | 16,72 | |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản | 0,09 | 0,08 | |
| + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | 0,10 | 0,09 | |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| + Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân | - | - | |
| + Doanh thu thuần/Tổng tài sản | 0,21 | 0,15 | |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | - | 1,94 | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | - | 0,45 | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | - | 0,41 | |
| + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | - | 0,34 | |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 2.400.000 CP
- Mệnh giá: 10.000 đ/CP
- Loại cổ phần đang lưu hành: Cổ phần phổ thông

b. Cơ cấu cổ đông:

* Cổ đông trong nước:

- Cổ đông tổ chức

+ Tổng Công ty Vận tải Thủy Petrolimex: 1.534.000 CP chiếm 63,92% VDL

-Cổ đông cá nhân: 866.000 CP chiếm 36,08% VDL

(Trong cơ cấu cổ đông cá nhân có 01 cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty)

* Cổ đông nước ngoài: không

- Cổ đông cá nhân: 200 CP chiếm 0,01% VDL

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

e. Các chứng khoán khác: Không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

6.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

b. Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức:

6.2 Tiêu thụ năng lượng:

a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: 77.241 kwh điện/năm

b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không

6.3 Tiêu thụ nước:

a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Nguồn cung cấp nước do công ty cấp nước thành phố Hải Phòng cấp. Lượng nước sử dụng trong năm là: 744 m3

b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 0%

6.4 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

6.5 Chính sách liên quan đến người lao động:

a. Số người lao động bình quân: 30 người, thu nhập bình quân: 13.685.132 đồng/người/tháng.

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Đảm bảo 100% CNLĐ được hưởng đầy đủ các quyền lợi và chế độ chính sách theo quy định hiện hành của Nhà nước: Hợp đồng lao động, BHXH, BHYT, BHTN, nghỉ hưu,

nghỉ việc, nghỉ phép... CNLĐ ốm đau, khó khăn được thăm hỏi, trợ cấp, thực hiện tốt an toàn lao động.

c. Hoạt động đào tạo người lao động: Có huấn luyện ATLĐVS hàng năm cho đối tượng người lao động.

6.6 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

- Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: Không có

6.7 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động SXKD năm 2025 của Công ty:

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | KH năm 2025 | TH năm 2025 | %TH2025 /KH2025 |
|-----|--------------------------------|------------|-------------|-------------|-----------------|
| 1 | Tổng doanh thu + Thu nhập khác | Tr.đ | 10.000 | 14.016 | 140 |
| 2 | Tổng lợi nhuận trước thuế | Tr.đ | 1.750 | 5.294 | 303 |
| 3 | Nộp ngân sách | Tr.đ | 1.000 | 2.402 | 240 |
| 4 | Lao động bình quân | Người | 41 | 35 | 85,4 |
| 5 | Thu nhập bình quân | Đồng/tháng | 11.000.000 | 13.685.132 | 124.4 |
| 6 | Tỷ lệ chia cổ tức | % | 5 | 10 | 200 |

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2024 | Năm 2025 | So sánh (%) |
|-----------|------------------------------------|-----------------------|-----------------------|--------------|
| I | Tài sản ngắn hạn | 51.514.310.164 | 55.799.865.094 | 108,3 |
| 1 | Tiền và các khoản tương đương tiền | 1.020.186.949 | 1.081.990.360 | 106 |
| 2 | Đầu tư tài chính ngắn hạn | 50.000.000.000 | 54.500.000.000 | 109 |
| 3 | Các khoản phải thu ngắn hạn | 472.520.026 | 68.454.691 | 14,5 |
| 4 | Hàng tồn kho | - | - | |
| II | Tài sản dài hạn | 1.317.469.697 | 563.014.816 | 42,7 |
| 1 | Tài sản cố định | 1.102.745.133 | 541.399.618 | 49,1 |
| 2 | Tài sản dở dang dài hạn | - | - | |
| 3 | Đầu tư tài chính dài hạn | - | - | |
| 4 | Tài sản dài hạn khác | 214.724.564 | 21.615.198 | 10,1 |
| | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 52.831.779.861 | 56.362.879.910 | 106,7 |

b. Tình hình nợ phải trả

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2024 | Năm 2025 | So sánh (%) |
|-----------|-------------------------------------|----------------------|----------------------|-------------|
| I | Nợ phải trả | 4.728.780.403 | 4.440.441.125 | 93,9 |
| 1 | Phải trả người bán ngắn hạn | 54.383.448 | 265.895.448 | 489 |
| 2 | Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 3.844.301 | - | - |
| 3 | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 707.436.920 | 894.790.333 | 126,5 |
| 4 | Phải trả người lao động | 1.001.487.672 | 1.610.452.686 | 160,8 |
| 5 | Chi phí phải trả ngắn hạn | 329.949.141 | 290.034.466 | 88 |
| 6 | Phải trả ngắn hạn khác | 174.867.749 | 74.225.020 | 42,4 |
| 7 | Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 40.311.172 | 201.343.172 | 499,4 |
| II | Nợ dài hạn | 2.416.500.000 | 1.103.700.000 | 45,7 |
| 1 | Phải trả dài hạn khác | 2.416.500.000 | 1.103.700.000 | 45,7 |

- Nợ xấu phải thu: Không có

- Tài sản xấu ảnh hưởng đến hoạt động SXKD: Không có

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Chính sách và công tác quản lý của Công ty dựa trên các quy định của pháp luật hiện hành vận dụng vào điều kiện thực tiễn của đơn vị.

- Phổ biến, quán triệt tuyên truyền và thực hiện nghiêm túc các quy định về Pháp chế thanh tra theo đúng pháp luật.

- Công tác quản lý kỹ thuật được nâng lên, đảm bảo an toàn trong khai thác, sử dụng thiết bị, công cụ, dụng cụ luôn đáp ứng được yêu cầu của sản xuất và tiết giảm chi phí sửa chữa.

4. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:

a. *Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải):* - - Đẩy mạnh hoạt động tiết kiệm nguồn tài nguyên, năng lượng.

b. *Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:*

- Đảm bảo an toàn trong lao động sản xuất. Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức đến toàn thể CBCVN công ty, xây dựng ý thức thực hiện thường xuyên sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, bảo vệ môi trường.

c. *Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:*

- Thực hiện đầy đủ và phù hợp các yêu cầu pháp luật của Nhà nước quy định.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo các phòng, ban Công ty xây dựng kế hoạch hành động phù hợp với mục tiêu hoạt động của Công ty. Với sự chỉ đạo sâu sát của HĐQT, Công ty đã hoàn thành kế hoạch ĐHCĐ giao, thực hiện tốt công tác an toàn lao

động, phòng cháy, chữa cháy, công tác an ninh, quốc phòng, kiểm soát tốt chi phí và hạch toán kế toán đúng theo quy định của pháp luật.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty:

Hội đồng quản trị nhận thấy Ban Giám đốc công ty đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều lệ công ty, đề ra các giải pháp và quyết định phù hợp với tình hình thực tế của Công ty và đã tổ chức thực hiện nghiêm túc và hiệu quả Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. Từng thành viên trong Ban Giám đốc đã hoàn thành nhiệm vụ được giao.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

* Hội đồng quản trị Công ty xây dựng định hướng mục tiêu kinh doanh năm 2026, gồm các chỉ tiêu sau:

| STT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Kế hoạch năm 2026 |
|-----|---------------------------|-------------|-------------------|
| 1 | Tổng doanh thu | Tr.đồng | 7,200 |
| 2 | Tổng lợi nhuận trước thuế | Tr.đồng | |
| 3 | Nộp ngân sách | Tr.đồng | |
| 4 | Lao động bình quân | Người | 27 |
| 5 | Thu nhập bình quân | Đồng/tháng | 10.700.000 |
| 6 | Tỷ lệ chia cổ tức | % | % |

* Về đầu tư phát triển sản xuất: Dự kiến không có đầu tư gì lớn.

V. Quản trị công ty: Công ty không niêm yết nên không công bố thông tin này.

VI. Báo cáo tài chính:

1. Ý kiến kiểm toán viên: Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cổ phần Cảng Cửa Cẩm Hải Phòng tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (theo phương pháp gián tiếp); Bản thuyết minh báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán.

Nơi nhận:

- Sở GDCK Hà Nội;
- Lưu VT; TKHQQT.

Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Công ty



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Mạnh Cường 7